

Số: 03/2015/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về một số chính sách thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 13
(Từ ngày 06/7/2015 đến 08/7/2015)**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2003;

Căn cứ Luật công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 ngày 21/11/2012;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Sau khi xem xét Tờ trình số 33/TTr –UBND ngày 12/6/2015 và Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 03/7/2015 của UBND Thành phố về việc thông qua “Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua một số chính sách thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này nhằm thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020, áp dụng cho các hoạt động sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong vùng, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung theo quy hoạch, đáp ứng tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Thành phố (theo Phụ lục đính kèm).

2. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng

2.1. Hỗ trợ xây dựng đường giao thông, kênh mương trục chính cấp, tiêu nước

a) *Đối tượng và điều kiện áp dụng:* Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình có dự án, phương án đầu tư xây dựng đường giao thông, kênh mương trục chính cấp, tiêu nước trong vùng, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc phê duyệt.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ:* hỗ trợ toàn bộ bằng tiền để mua vật tư xây dựng (xi măng, gạch, đất, cát, sỏi, sắt, thép) theo định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành đối với từng loại, cấp công trình.

c) *Phương thức thực hiện:* Ngân sách Thành phố ứng trước 70% kinh phí hỗ trợ, số kinh phí còn lại được hỗ trợ sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu quyết toán và đưa vào sử dụng.

2.2. Hỗ trợ chi phí khoan giếng cấp nước tưới, xử lý môi trường

a) *Đối tượng và điều kiện áp dụng:* Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình sản xuất trong vùng, khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa có hệ thống cấp nước tưới cho cây trồng; chưa có thùng (bể) lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật; chưa có hệ thống xử lý môi trường trong chăn nuôi; chưa có hệ thống làm giàu ôxy trong nuôi thủy sản có trong kế hoạch và dự toán hàng năm.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ:*

- Đối với cây trồng: Hỗ trợ một lần chi phí khoan giếng, đào giếng lấy nước tưới cho cây trồng tối đa không quá 10 triệu đồng/ha; Hỗ trợ một lần kinh phí mua thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (02 thùng/ha); hỗ trợ 100% trong năm đầu và 70% năm thứ hai đối với chi phí xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

- Đối với vật nuôi: Hỗ trợ một lần khi xây dựng công trình xử lý chất thải trong chăn nuôi (lợn, bò) đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn môi trường theo quy định, mức hỗ trợ 300.000 đồng/01 đầu gia súc.

- Đối với vùng nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ một lần 50% kinh phí mua thiết bị làm giàu ôxy vùng nước nuôi trồng thủy sản, tối đa không quá 15 triệu đồng/ha.

c) *Phương thức thực hiện:* Ngân sách Thành phố hỗ trợ sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu quyết toán và đưa vào sử dụng.

3. Hỗ trợ đào tạo nghề

a) *Đối tượng, điều kiện áp dụng:*

- *Đối tượng:* Người lao động trực tiếp có hộ khẩu thường trú tại Hà Nội, trong độ tuổi lao động theo quy định, có trình độ trung học cơ sở trở lên, có nhu cầu bồi dưỡng về công nghệ cao trong nông nghiệp.

- *Điều kiện:* Người lao động được doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại đủ điều kiện chuyển giao, đào tạo về ứng dụng công nghệ cao được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc được cơ sở đào tạo có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp theo quy định. Có trong kế hoạch đào tạo và dự toán hàng năm của Thành phố.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ*: Mỗi lao động được hỗ trợ một lần bằng 100% học phí đào tạo nghề và tiền tài liệu theo quy định của cơ sở đào tạo nghề hoặc theo phương án đào tạo của các cơ sở tự đào tạo được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, mức hỗ trợ tối đa không quá 4,5 triệu đồng/người/khóa đào tạo.

c) *Phương thức thực hiện*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở sử dụng tự đào tạo lao động hoặc cơ sở đào tạo thông qua phương thức đặt hàng.

4. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật

a) *Đối tượng, điều kiện áp dụng*:

- Tổ chức được cấp có thẩm quyền giao tập huấn kỹ thuật ứng dụng công nghệ cao theo kế hoạch, dự toán hàng năm.

- Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật tham gia giảng dạy; cán bộ quản lý lớp tập huấn.

- Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mỗi người chỉ được hỗ trợ tham gia 01 lần/01 nội dung tập huấn.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ*:

- Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp tập huấn; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp tập huấn; vật tư thực hành (nếu có): Mức chi theo đơn giá, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hợp đồng thực tế.

- Chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật:

Giảng viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp trả tiền công giảng dạy mức 450.000 đồng/buổi.

Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công giảng dạy mức 25.000 đồng/giờ (100.000 đồng/buổi).

- Chi hỗ trợ cho lao động trực tiếp sản xuất:

Hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 50.000 đồng/ngày/học viên.

Hỗ trợ tiền đi lại đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên theo giá giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/học viên/khóa tập huấn; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán 150.000 đồng/học viên/khóa tập huấn.

Thời gian tập huấn: Tối đa không quá 03 ngày/lớp.

c) *Phương thức thực hiện*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ trực tiếp đối tượng thụ hưởng thông qua đơn vị được giao tổ chức tập huấn theo kế hoạch.

5. Hỗ trợ đầu tư giống cây trồng, thủy sản

a) *Đối tượng và điều kiện áp dụng*: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình đầu tư sản xuất cây ăn quả (bưởi, cam canh, nhãn, chuối nuôi cấy mô), chè, hoa hồng, hoa lan nuôi cấy mô, hoa lily, nuôi thủy sản (cá trắm, chép, trôi, rô phi đơn tính) ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chuẩn về giống theo quy định của Pháp lệnh giống cây trồng, Luật thủy sản.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ một lần đầu 80% chi phí mua giống: chè, cây ăn quả (bưởi, cam, nhãn, chuối), hoa hồng; 20% chi phí mua giống hoa lan nuôi cấy mô, hoa Lily; 50% chi phí mua giống thủy sản (cá trắm, chép, trôi, rô phi đơn tính).

c) *Phương thức thực hiện*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ thông qua hợp đồng cung ứng dịch vụ theo kế hoạch đặt hàng.

6. Hỗ trợ phòng chống dịch bệnh

a) *Đối tượng và điều kiện áp dụng*: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình sản xuất cây trồng, nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ*:

- Đối với cây trồng: Hỗ trợ 50% chi phí bảo vệ thực vật trong năm đầu và 30% trong năm thứ hai bao gồm: Thuốc, công lao động, thuê máy. Hỗ trợ 70% chi phí trong năm đầu và 50% trong năm thứ hai chi phí bảo vệ thực vật khi sử dụng các chế phẩm sinh học, có nguồn gốc sinh học để phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất rau, quả an toàn.

- Đối với thủy sản: Hỗ trợ 50% năm đầu và 30% năm thứ hai chi phí hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường ao nuôi.

c) *Phương thức thực hiện*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ thông qua hợp đồng cung ứng dịch vụ theo kế hoạch đặt hàng.

7. Hỗ trợ về đầu tư phát triển sản xuất

a) *Đối tượng và điều kiện áp dụng*: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình có dự án/phương án đầu tư phát triển sản xuất giống; sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản ứng dụng công nghệ cao vay vốn từ Quỹ khuyến nông Thành phố, Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, Ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% phí quản lý (nếu vay vốn Quỹ khuyến nông Thành phố) và hỗ trợ 100% lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Hà Nội (nếu vay vốn tại các ngân hàng) tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng vay vốn, thời hạn vay tối đa là 36 tháng. Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ về phí quản lý, lãi suất vốn vay cho 01 dự án/phương án, tổng mức vốn vay được tính hỗ trợ tối đa không quá 50 tỷ đồng/dự án, phương án.

c) *Phương thức hỗ trợ*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ sau khi dự án, phương án hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động.

8. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

a) *Đối tượng và điều kiện áp dụng*: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình tham gia xây dựng mô hình trình diễn sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện và quy mô về mô hình khuyến nông theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT; đối với mô hình nuôi thủy sản diện tích tối thiểu là 03 ha, mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm quy mô tối thiểu là 2.000 con.

b) *Nội dung và mức hỗ trợ*: Ngoài các chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này, được hỗ trợ thêm 30% chi phí hạng mục đầu tư thiết bị công nghệ mới, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình sản xuất trồng trọt, thủy sản; 500 triệu đồng/mô hình đối với chăn nuôi, sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản.

c) *Phương thức thực hiện*: Ngân sách Thành phố hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình tham gia xây dựng mô hình trình diễn.

Ngoài các nội dung chính sách nêu trên, các đối tượng thụ hưởng chính sách đầu tư sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hưởng các chính sách khác của Trung ương và Thành phố theo quy định nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp cùng một nội dung hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng chính sách được lựa chọn mức hỗ trợ cao nhất và có lợi nhất.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016.

2. Giao UBND Thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và phê duyệt “Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020”. Xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách đảm bảo tính khả thi, cân đối nguồn lực và thứ tự ưu tiên đầu tư, hỗ trợ. Lập dự toán ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách của Thành phố để thực hiện chính sách. Có giải pháp kiểm soát chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình.

b) Thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ, hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục để các tổ chức, các nhân biết, thực hiện; thực hiện phương thức hỗ trợ gắn với cải cách thủ tục hành chính. Tổ chức kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện chính sách với HĐND Thành phố.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND, các tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND Thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Thành phố tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 08/7/2015./.

Nơi nhận:

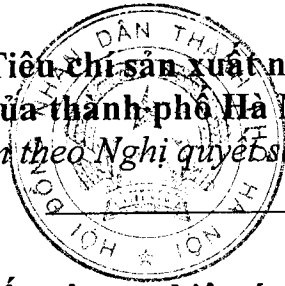
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu-UBTVQH;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công GTĐT TP, trang web HĐNDTP;
- Các cơ quan báo chí Trung ương và Hà Nội;
- Lưu: VT. *HT*



CHỦ TỊCH,

Nguyễn Thị Bích Ngọc

**PHỤ LỤC: Tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
của thành phố Hà Nội, giai đoạn 2016-2020**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015)



1. Tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt

1.1. Cơ sở sản xuất giống cây trồng ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/03/2004; Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) Ứng dụng công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô; sản xuất giống trong nhà màng, nhà kính có hệ thống kiểm soát và điều tiết nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng; ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa hoặc bán tự động trong chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

c) Sản xuất quy mô công nghiệp; chất lượng đạt quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại giống cây trồng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

1.2. Vùng sản xuất rau, hoa, quả, chè ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Thuộc vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố;

b) Có quy mô sản xuất từ 20 ha trở lên đối với hoa; 30 ha trở lên đối với cây rau, cây chè và cây ăn quả, trong đó có 70% các diện tích sản xuất trong vùng trở lên được các hộ đăng ký đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

c) Các hộ sản xuất trong vùng được tổ chức thành hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc có hợp đồng hợp tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định với doanh nghiệp.

d) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

1.3. Trang trại, hộ gia đình sản xuất rau, hoa, quả, chè ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trang trại, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trong vùng nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố. Trang trại phải đạt tiêu chí theo quy định tại khoản 1, điều 5 thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

b) Có tối thiểu 01 người làm việc trực tiếp trong một cơ sở (hộ, trang trại) sản xuất có trình độ chuyên môn kỹ thuật sản xuất trồng trọt từ trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ đào tạo nghề sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao.

c) Thực hiện đồng bộ quy trình công nghệ, kỹ thuật sản xuất sau:

- Sử dụng giống có năng suất, giá trị gia tăng cao, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, giống nhập khẩu được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

- Canh tác rau, hoa cao cấp trong nhà màng, nhà lưới, nhà kính.

- Sử dụng các loại phân bón có nguồn gốc xuất xứ, đúng liều lượng, đảm bảo chất lượng, đúng quy trình kỹ thuật; sử dụng các loại phân bón sinh học, phân hữu cơ, các chế phẩm sinh học an toàn trong quá trình canh tác.

- Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm kết hợp với cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng (tưới thấm, tưới nhỏ giọt, tưới phun), hệ thống tưới tự động hoặc bán tự động bằng nguồn nước đảm bảo chất lượng theo quy định.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được phép sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, đúng liều lượng, đúng quy trình kỹ thuật; sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc trong phòng, trừ dịch bệnh.

2. Tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi

2.1. Khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong quy hoạch sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố.

b) Đạt quy mô như sau:

- Diện tích từ 10 ha trở lên;

- Chăn nuôi một loại gia súc, gia cầm đạt số lượng: 150 con bò sữa trở lên; 300 con bò sinh sản và bò thịt trở lên; 10.000 con lợn sinh sản và lợn thịt trở lên; 50.000 con gà trở lên;

c) Các tổ chức, cá nhân trong khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao được tổ chức thành hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc có hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định với tổ chức, cá nhân khác.

d) Có hệ thống thu gom, quản lý chất thải; thu gom, xử lý nước thải chung trong khu đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

2.2. Trang trại, hộ chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trang trại trong quy hoạch sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; hộ gia đình sản xuất trong khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao.

b) Trang trại, hộ sản xuất trong khu chăn nuôi có tối thiểu 01 người làm việc trực tiếp có trình độ chuyên môn kỹ thuật về chăn nuôi, thủy sản từ trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ đào tạo về chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao.

c) Thực hiện ứng dụng các thiết bị, công nghệ sau:

- Sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao, an toàn dịch bệnh đảm bảo các tiêu chuẩn về giống theo quy định; sử dụng các giống ưu thế lai, sản phẩm giống công nghệ cao như: Tinh phân ly giới tính, tinh đông lạnh, cấy truyền phôi.

- Ứng dụng kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến (hệ thống chuồng kín điều tiết nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng; hệ thống chuồng trại đảm bảo chắc chắn, thông thoáng, dễ vệ sinh, có hệ thống chống nóng vào mùa hè, chống lạnh vào mùa đông; hệ thống máng ăn, máng uống, thu gom trứng tự động hoặc bán tự động; thiết bị chế biến, bảo quản thức ăn thô xanh, thiết bị vắt sữa tự động, thiết bị bảo

quản sữa; ứng dụng phần mềm quản lý trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng chống dịch bệnh) phù hợp với từng đối tượng vật nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm.

- Sử dụng các loại thức ăn công nghiệp, thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn vi sinh có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu sinh trưởng, phát triển của gia súc, gia cầm.

- Sử dụng công nghệ chuẩn đoán nhanh bệnh đối với vật nuôi, các loại vắc xin, thuốc thú y, chế phẩm sinh học có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo chất lượng, liều lượng theo quy định trong phòng, chống dịch bệnh.

- Có hệ thống thu gom, xử lý chất thải, nước thải chăn nuôi đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

3. Tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản

3.1. Khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trong quy hoạch sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố.

b) Có diện tích 20 ha trở lên và có tối thiểu 70% số hộ trong khu đăng ký đầu tư nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

c) Các tổ chức, cá nhân trong khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao được tổ chức thành hợp tác xã, doanh nghiệp hoặc có hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ổn định với tổ chức, cá nhân khác.

d) Có hệ thống thu gom, quản lý chất thải; thu gom, xử lý nước thải chung trong khu đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

3.2. Trang trại, hộ nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trang trại trong quy hoạch sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung của Thành phố, đáp ứng điều kiện theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; hộ gia đình sản xuất trong khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

b) Trang trại, hộ sản xuất trong khu nuôi trồng thủy sản có tối thiểu 01 người làm việc trực tiếp có trình độ chuyên môn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản từ trung cấp trở lên hoặc có chứng chỉ đào tạo về nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

c) Thực hiện ứng dụng đồng bộ các thiết bị công nghệ sau:

- Sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao, an toàn dịch bệnh đảm bảo các tiêu chuẩn về giống theo quy định; các giống có ưu thế lai, sản phẩm giống công nghệ cao.

- Hệ thống nuôi có bờ bao hoặc mái che đảm bảo vững chắc; có nguồn nước ổn định, chất lượng nước phù hợp với từng loại đối tượng nuôi; có thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, cung cấp oxy tự động hoặc bán tự động.

- Sử dụng thức ăn công nghiệp có nguồn gốc xuất xứ đảm bảo về chất lượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Sử dụng các loại vắc xin, thuốc thú y thủy sản, thuốc có nguồn gốc thảo mộc, vi sinh vật có nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo chất lượng, liều lượng theo quy định trong phòng, chống dịch bệnh.

- Sử dụng các loại chế phẩm sinh học, thảo mộc trong quá trình xử lý môi trường nước nuôi, nước thải đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

4. Cơ sở sản xuất giống vật nuôi, thủy sản ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/03/2004 của UBTV Quốc hội khóa 11.

b) Ứng dụng công nghệ đông lạnh tinh, phôi và cấy truyền hợp tử, tinh phân ly giới tinh, thụ tinh ống nghiệm trong sản xuất giống bò thịt, bò sữa; sử dụng phương pháp truyền thống kết hợp với công nghệ sinh học, công nghệ di truyền trong chọn tạo và nhân nhanh các giống lợn, gia cầm, thủy sản mới có năng suất, chất lượng cao.

c) Sử dụng hệ thống chuồng trại có điều tiết về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng đối với sản xuất giống gia súc, gia cầm; hệ thống nuôi, sinh sản, ương ấp có điều tiết về nguồn nước, nhiệt độ, ánh sáng, cảnh báo và xử lý môi trường, cung cấp oxy đối với sản xuất giống thủy sản.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa hoặc bán tự động trong chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh, xử lý môi trường đáp ứng theo yêu cầu của từng loại đối tượng nuôi để sản xuất ra các sản phẩm giống có năng suất, chất lượng cao và an toàn dịch bệnh.

e) Sử dụng các loại thức ăn, vắc xin, thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, chế phẩm sinh học có chất lượng cao, đúng quy trình kỹ thuật.

g) Sản xuất đạt quy mô công nghiệp; chất lượng đạt quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại giống vật nuôi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

5. Cơ sở chế biến, bảo quản nông sản ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cơ sở chế biến, bảo quản nông sản trong quy hoạch;

b) Sử dụng dây chuyền công nghiệp, thiết bị, công nghệ chế biến sâu các loại nông sản;

c) Sử dụng công nghệ (công nghệ chiếu xạ; công nghệ xử lý hơi nước nóng, xử lý nước nóng; công nghệ sấy lạnh, sấy nhanh; công nghệ bao gói khí quyển kiểm soát; công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen; công nghệ tạo màng; công nghệ lên men; công nghệ sinh học và vi sinh) để bảo quản nông sản.

d) Sản phẩm sau quá trình chế biến, bảo quản đưa ra thị trường tiêu thụ hoặc xuất khẩu phải đảm bảo theo các quy định về nhãn hàng hóa, an toàn thực phẩm.

e) Có hệ thống thu gom chất thải, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định về bảo vệ môi trường.

6. Cơ sở chế biến phụ phẩm nông nghiệp dùng làm thức ăn chăn nuôi đáp ứng các điều kiện sau:

- Cơ sở chế biến phụ phẩm nông nghiệp dùng làm thức ăn chăn nuôi nằm trong quy hoạch, đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05/02/2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

- Sử dụng nguyên liệu bao gồm rơm, rạ, thân cây ngô, đậu tương, cỏ tự nhiên, cỏ trồng, phụ phế phẩm ngành công nghiệp thực phẩm, thức ăn bổ sung, khoáng chất, chất phụ gia.

- Sử dụng công nghệ tiên tiến sản xuất thức ăn hoàn chỉnh (TMR, TMF) cho bò.

- Sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn chất lượng và an toàn theo quy định của Bộ Nông nghiệp &PTNT./.

Các tiêu chí quy định nêu trên sẽ mặc nhiên được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành do các cơ quan Trung ương điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế.